TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HC-ST
Ngày: 27 - 6 - 2025
"V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Tư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HC ngày 23 tháng 12 năm 2024, về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị N (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N:

1. Ông Đàm Văn T, sinh năm 1954; *có mặt.*

2. Ông Đàm Trọng U, sinh năm 1975; *vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

3. Bà Đàm Thị H (Đàm Thị T1), sinh năm 1970; *vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Đàm Văn Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn C, xã D, thành phố E, tỉnh Ninh Bình. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

5. Bà Đàm Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 6, xã G, huyện H1, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

Người bị kiện: UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc A1, chức vụ: Quyền chủ tịch. *Vắng mặt khi tuyên án.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị N1, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-6-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện là ông Đàm Văn T trình bày:

Năm 2002, gia đình ông Đàm Văn T mua thửa đất 73, tờ bản đồ 54 tọa lạc tại thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông, khi mua trên đất đã có sẵn 01 căn nhà gỗ. Khi mua thửa đất 73 chưa có bìa đỏ, đến năm 2016 thì gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, gia đình ông T làm thủ tục tách thửa 73 thành 03 thửa đất trong đó có thửa đất số 128, tờ bản đồ số 54, diện tích 3.839,1m^2 tọa lạc tại thôn 13 (thôn 6 cũ), xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Ngày 03/7/2020 gia đình ông T đã tặng cho bà Lê Thị N toàn bộ diện tích đất thửa 128 này để ở và canh tác. Bà N canh tác và sinh sống trên diện tích đất này cho đến khi có thông báo thu hồi đất ngày 15-6-2022. Bà đã lớn tuổi nên tuy có nhà riêng nhưng thỉnh thoảng vẫn đến sống cùng với các con để tiện cho con cái chăm sóc. Đến khoảng tháng 02/2023 cơ quan chức năng tổ chức kiểm đếm (lúc này không có ai ở nhà), chính quyền địa phương có mời ông T đại diện tham gia chứ không yêu cầu bà N phải có mặt nên ông T đã tham gia kiểm đếm tài sản trên đất.

Ngày 07-4-2023 Uỷ ban nhân dân (UBND) xã A ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, công trình khác, tình trạng sử dụng đất, nhà ở và nhân khẩu của hộ bà Lê Thị N khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án công trình khai tác mỏ bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (khai trường năm thứ 7 - 8), trong đó có nội dung xác định thời điểm xây dựng nhà vào năm 2021 và xác nhận hộ gia đình không trực tiếp sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Sau đó, hộ bà Lê Thị N khiếu nại việc UBND xã A xác định thời điểm xây dựng nhà vào năm 2021 và xác nhận hộ gia đình không trực tiếp sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp là không đúng thực tế, dẫn đến hộ bà N không được bố trí tái định cư khi bị thu hồi đất. Ngày 20-6-2023 UBND xã A ban hành Công văn số: 77/UBND-ĐC về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị N, UBND xã A xác định thời điểm xây dựng nhà vào năm 2021 và xác nhận hộ bà N không trực tiếp sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp huỷ Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20-6-2023 của UBND xã A về việc trả lời đơn kiến nghị của bà N.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện là ông Đàm Văn Q, Đàm Trọng U, bà Đàm Thị L, bà Đàm Thị T1 (Đàm Thị H) thống nhất theo quan điểm khởi kiện của bà Lê Thị N và anh trai là ông Đàm Văn T. Mọi quyền lợi của gia đình giao hết cho ông T giải quyết. Ông Đàm Văn Q, ông Đàm Trọng U, bà Đàm Thị L, bà Đàm Thị T1 (Đàm Thị H) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của người bị kiện (UBND xã A) ông Võ Ngọc A1 trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng Công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8), địa điểm thôn 13, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông, có liên quan đến các hộ dân có đất đai, tài sản bị giải tỏa, di dời để bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư.

UBND xã A có nhiệm vụ phối hợp với Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất và UBND huyện B trong một số công việc liên quan đến kiểm kê tài sản, xác nhận nguồn gốc tài sản, quá trình sử dụng tài sản của các hộ dân trong vùng dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Ngày 15/6/2022, UBND huyện B ban hành Thông báo số 85/TB- UBND V/v Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8), địa điểm thôn 13, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 29/3/2023, UBND huyện B ban hành Thông báo số 108/TB- UBND V/v Thông báo thu hồi 3.354,4m đất của hộ bà Lê Thị N để thực hiện dự án khai thác mỏ Bauxit Nhân cơ - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8), địa điểm xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 10/02/2023, UBND xã A ban hành Quyết định số 10/QĐ- UBND thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và công trình vật kiến trúc gắn liền với đất của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn).

Sau khi ban hành Quyết định thành lập, Hội đồng tư vấn đã tổ chức kiểm tra các công trình vật kiến trúc gắn liền với đất liên quan đến các hộ dân giải toả, tại thời điểm kiểm tra Hội đồng tư vấn ghi nhận tại hiện trường bằng hình ảnh và video các công trình vật kiến trúc của các hộ dân nằm trong vùng dự án.

UBND xã đã niêm yết thông báo công khai số 04/TB-UBND ngày 08/3/2023 của UBND xã về kết quả, dự thảo xác nhận Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, công trình khác đối với các hộ dân, tại nhà văn hoá Thôn 13, thời gian niêm yết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày 09/3/2023 đến ngày 17/3/2023 có sự chứng kiến của người dân tại Thôn 13 và Trưởng thôn là ông Phạm Văn T2. Hội đồng tư vấn đã thực hiện các công việc như: Tiến hành xác minh thực tế; bỏ phiếu lấy ý kiến về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở của các hộ dân trong khu vực dự án.

Ngày 27/3/2023, Hội đồng tư vấn đã tổ chức xác minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở của hộ bà Lê Thị N. Đoàn xác minh bao gồm thành viên Hội đồng tư vấn và đại diện 02 hộ dân có đất bị thu hồi trong vùng dự án là ông Nguyễn Hữu X và ông Võ Duy T3. Đoàn xác minh đã kết luận hộ gia đình bà N không sinh sống trên căn nhà bị thu hồi.

Cùng ngày 27/3/2023, Hội đồng tư vấn đã lập Phiếu lấy ý kiến về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở gồm các thành phần Hội đồng tư vấn và đại diện Ban tự quản thôn 13 (do ông Phạm Văn T2 tham gia) cùng với đại diện hai hộ dân. Theo Phiếu lấy ý kiến này các thành phần tham gia đều xác nhận hộ gia đình bà Lê Thị N không sinh sống trên đất thu hồi.

Ngày 29/3/2023, Hội đồng tư vấn tổ chức bỏ phiếu kín lấy ý kiến xác định hộ gia đình sống trực tiếp trên căn nhà bị thu hồi trong vùng dự án với sự có mặt của 11 thành viên. Đối với hộ bà Lê Thị N kết quả kiểm phiếu xác định hộ bà Lê Thị N không sinh sống trong căn nhà bị giải tỏa.

Thực tế bà Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại Thôn 6, xã A (chuyển đến ngày 7/7/2020) nhưng diện tích đất thu hồi của hộ bà N thuộc Thôn 13, xã A (Trong GCNQSDĐ số CS 558173 do UBND huyện B cấp cho ông Đàm Văn T ngày 05/11/2019 đối với thửa đất 128, tờ bản đồ số 54, tặng cho bà Lê Thị N vào ngày 03/07/2023 và bị thu hồi một phần trong dự án này ghi địa chỉ thửa đất là Thôn 6, xã A là ghi theo địa giới hành chính cũ chưa có sự chỉnh lý biến động về địa chỉ thửa đất sang Thôn 13, xã A), như vậy nơi có đất bị thu hồi là Thôn 13 khác với nơi cư trú của bà N thuộc Thôn 6, nên việc UBND xã xác nhận bà N không cư trú trên đất thu hồi là chính xác.

Ngày 07/4/2023, UBND xã A ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở và nhân khẩu của hộ bà Lê Thị N. Về nội dung, UBND xã đã xác nhận hộ bà Lê Thị N không sinh sống trong căn nhà bị giải tỏa, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, UBND xã A đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và đúng trình tự thủ tục để ban hành Giấy xác nhận ngày 07/4/2023 về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, nhà ở và nhân khẩu của hộ bà Lê Thị N để làm căn cứ xét duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án này; UBND xã A đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục, kết quả gia đình bà Lê Thị N không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa là hoàn toàn khách quan, chính xác.

Ngày 20/6/2023 UBND xã A ban hành Công văn số: 77/UBND-ĐC về việc trả lời đơn thư kiến nghị của hộ bà Lê Thị N. Cụ thể, gia đình bà N kiến nghị UBND xã xác nhận hộ gia đình không trực tiếp sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, thời điểm xây dựng nhà, loại nhà. Tại Công văn số 77 này xác nhận hộ bà N không trực tiếp sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, nhà xây dựng năm 2021, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công văn số 77 được ban hành căn cứ vào Giấy xác nhận ngày 07/4/2023 đã được Hội đồng tư vấn họp ngày 28/02/2023.

Do đó, Công văn số 77 ban hành theo đúng trình tự nên UBND xã Đắk Wer không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị N1 trình bày: Thửa đất 73, tờ bản đồ 54 tại thôn 13 (thôn 6 cũ) là gia đình mua lại từ người khác (mua của ai cụ thể không nhớ vì họ đã đi khỏi địa phương) từ khoảng năm 2000. Đến năm 2016 thì gia đình được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CD 605037 do UBND huyện B cấp ngày 26/9/2016 đứng tên ông Đàm Văn T bà Phan Thị N1. Sau

khi nhận chuyển nhượng thửa đất này thì gia đình trồng cà phê, tiêu và làm một căn nhà gỗ trên đất để ở và sinh sống tại đây. Sau đó gia đình có tháo ván và xây lửng căn nhà lên. Ngày 05/11/2019 thì gia đình tách thửa 73 thành 03 thửa đất, trong đó có thửa 128. Ngày 03/7/2020 gia đình tặng cho bà Lê Thị N thửa 128. Căn nhà cũ của gia đình nằm trên thửa 128 này, sau khi bà N đến ở thì mới cơi nới thêm 02 gian phòng phía ngoài đường. Bà chuyển khẩu từ quê vào thôn 6, xã A từ năm 1998 (khẩu của ông T làm chủ hộ), quá trình sinh sống đã chuyển chỗ ở nhiều nơi. Đến năm 2020 thì tách khẩu nhập về khẩu của bà N. Bà sống cùng bà N vì bà lớn tuổi cần người chăm sóc. Bà canh tác thửa 128 và các con có phụ giúp, bà N không lao động được và hàng tháng có nhận chế độ chính sách của nhà nước. Sau khi nhà nước tiến hành kiểm kê đất thu hồi thì bà và bà N chuyển về ở với ông T. Đến tháng 10/2023 thì bà N về quê và sau đó mất ở quê. Năm 2022 mừng thọ 100 tuổi cho bà N do tỉnh tổ chức, năm 2023 mừng thọ 101 tuổi tổ chức tại nhà ông T vì lúc đó nhà của bà N đã bị kiểm đếm để thu hồi đất. Từ năm 2020 đến năm 2022 mỗi dịp giỗ đều tổ chức ở nhà bà. Ông T và ông trưởng thôn Phạm Văn T2 có mâu thuẫn về một số ý kiến liên quan đến chế độ chính sách của địa phương. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà N, không có ý kiến gì bổ sung và cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa:

Ông Đàm Văn T cho rằng lý do bà N yêu cầu hủy Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20/6/2023 của UBND xã A là vì: Căn nhà trên đất là gia đình xây dựng không phải vào năm 2021. Căn nhà trên đất là nhà ở chứ không phải là nhà sản suất nông nghiệp. Bởi lẽ, giấy xác nhận ngày 07/4/2023 của UBND xã A đã xác nhận nhà có đầy đủ phòng ở đã được ốp lát đàng hoàng, chuồng gà, giếng nước, giếng khoan,… Từ năm 2022 thì bà N thường đi đến ở với các con vì các con không yên tâm để bà sống một mình. Tuy nhiên, đến ngày lễ tết, giỗ chạp thì về cúng bái tại căn nhà này; tại thời điểm kiểm kê tài sản trên đất của bà N thì ông cũng có mặt, lúc này nhà vẫn sử dụng bình thường. Còn đoạn video quay căn nhà và những hình ảnh chụp căn nhà mà UBND xã A đang giữ thì là quay sau thời gian kiểm kê (sau ngày 07/4/2023). Sau khi kiểm đếm thì gia đình không sử dụng căn nhà này nữa nên nhà mới mục nát như trong video và những tấm hình.

Ông Võ Ngọc A1 thống nhất lấy hình ảnh vệ tinh để làm căn cứ xác định năm xây dựng nhà bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20/6/2023 của UBND xã A về việc trả lời đơn thư kiến nghị của bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/6/2023 UBND xã A ban hành Công văn số: 77/UBND-ĐC về việc trả lời đơn thư kiến nghị của bà Lê Thị N. Ngày 09/10/2023, bà N khởi kiện vụ án là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền và xác định quan hệ khiếu kiện: Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20-6-2023 của UBND xã A về việc trả lời đơn kiến nghị của bà N bản chất là quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của hộ bà Lê Thị N và chứa đựng nội dung ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà N *(dẫn đến hộ bà N không được bố trí tái định cư)*. Vì vậy, Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20-6-2023 nêu trên là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định đây là "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" là chưa đầy đủ, chưa cụ thể. Do đó, HĐXX xác định lại đây là *"Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về sự vắng mặt của một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đàm Trọng U, bà Đàm Thị H (Đàm Thị T1), ông Đàm Văn Q, bà Đàm Thị L, bà Phan Thị N1 vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung khởi kiện của người khởi kiện:

[2.1]. Ngày 26-9-2016, ông Đàm Văn T và bà Phan Thị N1 được cấp GCNQSDĐ số CD 605037 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thôn 06, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Ngày 05-11-2019, ông bà làm thủ tục tách thành 03 thửa đất và tặng cho thửa đất số 128, tờ bản đồ số 54 cho bà Lê Thị N. Ngày 03-7-2020, bà N được cập nhật đã nhận tặng cho trong GCNQSDĐ số CS 558174 đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thôn 06, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

[2.2]. Tại Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của UBND xã A xác nhận gia đình bà N gồm 02 nhân khẩu là bà N, bà Phan Thị N1 (con dâu) và có đăng ký thường trú tại thôn 6, xã A và Kết quả xác minh tại Công an xã A thể hiện bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã A từ ngày 07-7-2020 đến ngày 03/10/2023. Như vậy, gia đình bà N sinh sống tại căn nhà trên thửa đất bị thu hồi đã có đăng ký thường trú tại thôn 6, xã A là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Cư trú: "*Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó"*. Khi địa giới hành chính có thay đổi, tại thời điểm thu hồi đất thì thửa đất thuộc thôn 13, xã A nhưng bà N vẫn chưa thực hiện đăng ký thay đổi về địa chỉ thửa đất và nơi thường trú. Tuy

nhiên, điều này không làm ảnh hưởng đến việc xác định nơi ở trên địa bàn xã A đối với gia đình bà N (vì căn nhà này vẫn là chỗ ở duy nhất trên địa bàn xã A của gia đình bà Nh, theo mục 6 Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của Ủy ban nhân dân xã A). Bên cạnh đó, bà N được tặng cho diện tích đất mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, bà đã lớn tuổi, sức khỏe yếu nên việc đến sinh sống thường xuyên với các con cũng là điều bình thường, phù hợp thực tế cuộc sống và văn hóa của người Việt. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện địa chỉ thường trú để bà N nhận các chế độ chính sách là tại thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

[2.3]. Về thời điểm xây dựng căn nhà của bà N: Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất, thời điểm xây nhà ở thì xác định năm xây nhà là 2021. Đại diện hội đồng tư vấn và cũng là đại diện theo pháp luật của người bị kiện là ông Võ Ngọc A1 xác định căn cứ vào hình ảnh vệ tinh để xác định thời điểm xây dựng nhà. Hình ảnh vệ tinh thể hiện thời điểm tháng 03/2018 tại thửa đất số 30, mảnh trích đo địa chính số 436-2022 (thửa 128, tờ bản đồ 54) đứng tên bà Lê Thị N chưa có nhà; tháng 10/2018 có 01 căn nhà; 01/2021 thì căn nhà đã cơi nới đủ 03 gian. Như vậy, căn nhà của bà N tại thời điểm kiểm kê là đã đủ 03 gian, trong đó 01 gian xây dựng năm 2018, 02 gian xây dựng năm 2021. UBND xã A xác định căn nhà xây dựng năm 2021 là không đúng thực tế.

[2.4]. Về xác định loại nhà: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì đây là nhà xây kiên cố với kết cấu chắc chắn, sử dụng các vật liệu bền vững, có khả năng chịu lực tốt và tuổi thọ cao, có kết cấu: Móng xây đá, tường xây gạch ống tô trát 02 mặt, nền đá hoa cương, bổ trụ gạch tăng cường, có 02 gian phòng, … ngoài ra còn có: Sân láng xi măng, trụ xây gạch ống, có tô trát, cánh cổng bằng sắt, có tường rào, giếng đào, giếng khoan....căn nhà đầy đủ kiến trúc và vật dụng để ở, sinh sống tại chỗ trong thời gian dài. Song, Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của UBND xã A, xác nhận: Hộ gia đình bà Lê Thị N không sinh sống trên căn nhà bị thu hồi; nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật, không phù hợp với thực tế của người dân lao động. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định căn nhà trên diện tích đất bị thu hồi là nhà ở trên đất nông nghiệp duy nhất trên địa bàn xã A đối với hộ gia đình bà N.

[2.5]. Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20-6-2023 của UBND xã A về việc trả lời đơn thư kiến nghị của bà Lê Thị N; buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 20 của Luật Cư trú; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N:

1.1. Hủy Công văn số: 77/UBND-ĐC ngày 20-6-2023 của UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông về việc trả lời đơn thư kiến nghị của bà Lê Thị N.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Đàm Văn T, ông Đàm Văn Q, ông Đàm Trọng U, bà Đàm Thị L, bà Đàm Thị T1 (Đàm Thị H) 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Lê Thị N đã nộp (ông Đàm Văn T nộp thay) theo Biên lai số 0001093 ngày 30-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND huyện B, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Xuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Xuân